

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 40
8. Phụ lục	41 - 43

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (công ty mẹ) và Công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Hợp tác Lao động với nước ngoài phía Nam theo Quyết định số 523/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300442760 (số cũ 4103007131) ngày 27 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 8 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh bất động sản.
- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đăng ký thêm 06 chi nhánh tại Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **88.000.000.000 VND**

Trong đó:	Số cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông			
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (đại diện bởi ông Nguyễn Ngọc Minh; ông Nguyễn Hùng Việt; ông Lê Văn Đức)	4.488.000	44.880.000.000	51,00
Ông Nguyễn Đỗ Lăng (đại diện vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư châu Á – Thái Bình Dương)	1.198.450	11.984.500.000	13,62
Bà Trần Thị Cẩm Hà	27.280	272.800.000	0,31
Vốn góp của các cổ đông khác	3.086.270	30.862.700.000	35,07
Cộng	8.800.000	88.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 39 433 770
Fax : (08) 39 433 778
E-mail : inlacosaigon@inlacosaigon.com
Mã số thuế : 0300442760

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Nghệ An	Số 62, Trần Quốc Toàn, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hải Phòng	Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Quảng Ninh	TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Thanh Hóa	Thôn Bắc Hải, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hà Nội	Phòng 206 Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển;
- Tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu;
- Xuất khẩu lao động;
- Cho thuê kho, bãi;
- Đại lý liên hiệp vận tải;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ;
- Mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải;
- Mua bán phương tiện vận tải và thiết bị - vật tư, phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc;
- Mua bán dầu nhớt;
- Mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hãng máy tàu nước ngoài;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	126 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, TP. Hải Phòng	số 0204000468 ngày 01 tháng 11 năm 2007	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Theo Công văn số 148/BTC-TCDN ngày 03 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính cho phép các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được giảm tối đa 75% chi phí khấu hao tàu biển trong năm 2011 và năm 2012 so với mức khấu hao hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Do đó trong năm 2012, Công ty mẹ giảm chi phí khấu hao của loại tài sản phương tiện vận tải (tàu vận chuyên) so với mức khấu hao theo chính sách kế toán của Công ty (chính sách kế toán này phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính) là 31.912.284.250 VND, tương ứng tỷ lệ giảm 41,84%.

Năm 2013, Công ty mẹ thực hiện khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 đã làm chi phí khấu hao tăng so với năm 2012 khoảng 35 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 43).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty mẹ khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch	05 tháng 6 năm 2007	-
Ông Trần Viết Điền	Ủy viên	27 tháng 7 năm 2012	-
Ông Lê Văn Đức	Ủy viên	05 tháng 6 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thanh Hiền	Ủy viên	27 tháng 7 năm 2012	26 tháng 4 năm 2013
Bà Trần Thị Cẩm Hà	Ủy viên	05 tháng 6 năm 2007	-
Bà Vũ Thị Phương Mai	Ủy viên	26 tháng 4 năm 2013	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hồng Thanh	Trưởng ban	09 tháng 6 năm 2007	-
Ông Trương Tấn Lộc	Thành viên	09 tháng 6 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Hoa Đào	Thành viên	15 tháng 3 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Viết Điền	Tổng Giám đốc	30 tháng 7 năm 2012	-
Ông Lê Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 6 năm 2007	-
Bà Trần Thị Cẩm Hà	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 7 năm 2012	-
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 7 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

49876
IG TY
EM HUU
VA TU
C
HOC

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

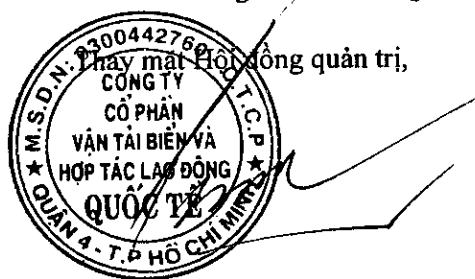
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty mẹ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Ông Nguyễn Ngọc Minh
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0427/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế và Công ty con (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản lỗ thuần 118.820.881.512 VND của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 370.365.116.908 VND (nợ ngắn hạn là 458.092.127.567 VND và tài sản ngắn hạn là 87.727.010.659 VND). Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VIII.5, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số I.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về chi phí khấu hao khấu hao của loại tài sản phương tiện vận tải (tàu vận chuyên). Trong năm 2012, Công ty Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế đã giảm chi phí khấu hao các phương tiện vận tải 31.912.284.250 VND so với mức khấu hao theo chính sách kế toán của Công ty (chính sách kế toán này phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính), tương ứng tỷ lệ giảm 41,84% theo Công văn số 148/BTC-TCDN ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khoa - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Handwritten signature: nauh

Nguyễn Thị Minh Khiêm - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0785-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.727.010.659	76.350.366.088
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.939.188.973	18.282.338.368
1. Tiền	111		13.439.188.973	18.282.338.368
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.262.449.905	22.424.850.281
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	16.285.523.469	19.208.228.333
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.287.493.939	284.625.755
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	6.838.355.340	3.821.942.885
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.148.922.843)	(889.946.692)
IV. Hàng tồn kho	140		16.110.476.981	11.655.130.455
1. Hàng tồn kho	141	V.6	16.110.476.981	11.655.130.455
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.414.894.800	23.988.046.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6.805.020.661	1.706.856.178
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.620.302.431	17.561.451.467
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		56.627.738	389.103.736
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.932.943.970	4.330.635.603

19815
 G TY
 H HUU
 VA TU V
 C
 HO CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		969.840.459.752	1.054.883.826.078
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		935.359.785.415	1.021.238.752.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	923.211.080.689	1.008.826.048.150
<i>Nguyên giá</i>	222		1.375.093.387.337	1.373.044.398.134
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(451.882.306.648)	(364.218.349.984)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.096.147.976	12.360.147.976
<i>Nguyên giá</i>	228		17.731.123.304	17.731.123.304
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.634.975.328)	(5.370.975.328)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	52.556.750	52.556.750
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.714.030.800	6.839.693.200
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	22.248.410.000	22.248.410.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(14.534.379.200)	(15.408.716.800)
V. Tài sản dài hạn khác	260		26.766.643.537	26.805.380.002
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	26.764.643.537	26.805.380.002
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.000.000	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.057.567.470.411	1.131.234.192.166

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.101.979.946.383	1.056.825.786.626
I. Nợ ngắn hạn	310		458.092.127.567	354.156.172.722
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	119.078.468.000	83.446.900.924
2. Phải trả người bán	312	V.17	95.204.375.948	106.065.634.679
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	2.179.514.113	971.587.058
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	3.135.088.536	4.098.109.923
5. Phải trả người lao động	315		9.738.283.916	7.783.715.408
6. Chi phí phải trả	316	V.20	171.629.344.219	100.172.059.399
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	54.886.845.246	49.164.357.742
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	2.240.207.589	2.453.807.589
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		643.887.818.816	702.669.613.904
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		50.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	643.837.818.816	702.669.613.904
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(44.412.475.972)	74.408.405.540
I. Vốn chủ sở hữu	410		(44.412.475.972)	74.408.405.540
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	3.348.918.531	3.348.918.531
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	1.674.459.266	1.674.459.266
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	(137.435.853.769)	(18.614.972.257)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.057.567.470.411	1.131.234.192.166

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		456.993,21	761.761,55
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Oanh
Kế toán trưởng



Trần Việt Điền
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	338.086.299.125	341.365.486.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	338.086.299.125	341.365.486.712
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	361.618.345.673	295.213.729.749
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(23.532.046.548)	46.151.756.963
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.527.965.345	2.097.884.840
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	78.413.139.289	68.565.519.669
Trong đó: chi phí lãi vay	23		74.814.930.490	68.564.949.016
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.779.968.085	6.215.947.220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.014.302.911	8.104.748.065
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(121.211.491.488)	(34.636.573.151)
11. Thu nhập khác	31		4.991.567.230	1.245.600.757
12. Chi phí khác	32		1.252.637.666	2.056.769.418
13. Lợi nhuận khác	40		3.738.929.564	(811.168.661)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(117.472.561.924)	(35.447.741.812)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	1.348.319.588	188.425.724
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(118.820.881.512)</u>	<u>(35.636.167.536)</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(118.820.881.512)	(35.636.167.536)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>(13.502)</u>	<u>(4.050)</u>

Nguyễn Thị Kim Oanh

Nguyễn Thị Kim Oanh
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Oanh

Nguyễn Thị Thu Oanh
 Kế toán trưởng



Trần Viết Điền
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		346.472.316.930	321.468.866.160
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(215.398.314.547)	(243.155.359.970)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(45.183.638.229)	(44.825.093.237)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.113.036.089)	(11.534.548.687)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.19	(1.013.989.153)	(2.030.937.380)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		393.095.768.924	154.079.484.039
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(452.412.935.322)	(99.137.616.772)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.446.172.514	74.864.794.153
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(3.851.707.538)	(58.267.752.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		262.281.640	255.337.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.589.425.898)	(58.012.415.563)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	19.764.111.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23.200.228.012)	(48.610.438.911)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.200.228.012)	(28.846.327.911)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.343.481.396)	(11.993.949.321)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.282.338.368	30.221.518.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		332.001	54.769.174
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	15.939.188.973	18.282.338.368

Kim Oanh

Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Thu Oanh

Nguyễn Thị Thu Oanh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Trần Viết Điền

Trần Viết Điền
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (Công ty mẹ) và công ty con Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Cung các các dịch vụ cung ứng lao động cho xuất khẩu, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung ứng và kinh doanh đầu nhòn, dịch vụ logistics.
- Tổng số các công ty con** : 1
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	126 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, TP. Hải Phòng	100%	100%

- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 1.178 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.187 nhân viên).

- Đặc điểm hoạt động của các doanh nghiệp trong Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Theo Công văn số 148/BTC-TCDN ngày 03 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính cho phép các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được giảm tối đa 75% chi phí khấu hao tàu biển trong năm 2011 và năm 2012 so với mức khấu hao hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Do đó trong năm 2012, Công ty mẹ giảm chi phí khấu hao của loại tài sản phương tiện vận tải (tàu vận chuyển) so với mức khấu hao theo chính sách kế toán của Công ty mẹ (chính sách kế toán này phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính) là 31.912.284.250 VND, tương ứng tỷ lệ giảm 41,84%.

Năm 2013, Công ty mẹ thực hiện khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 đã làm chi phí khấu hao tăng so với năm 2012 khoảng 35 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

NO
C
RACH
IEM T
A
BINH

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Tài sản cố định khác	3 - 12

7. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn thuê đất 30 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm tùy theo thời gian sử dụng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phân bổ theo hợp đồng.

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa là chi phí phát sinh để sửa chữa tàu nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của tàu. Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ trong vòng 2,5 năm.

15-C
FY
TU HAI
TU VAI
CHIN

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Tại Công ty mẹ, các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc tăng vốn điều lệ theo phương thức thích hợp.	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty mẹ	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, chi các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên Công ty, trong đó có các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các đối tượng khác có liên quan.	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty mẹ	

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.812 VND/USD
31/12/2013: 21.078 VND/USD

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị gốc phát sinh trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.966.306.863	875.898.227
Tiền gửi ngân hàng	10.472.882.110	17.406.440.141
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u><u>15.939.188.973</u></u>	<u><u>18.282.338.368</u></u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	12.903.915.406	15.564.657.255
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	3.381.608.063	3.643.571.078
Cộng	16.285.523.469	19.208.228.333

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	1.244.063.939	252.990.659
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	43.430.000	31.635.096
Cộng	1.287.493.939	284.625.755

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	6.834.749.984	3.792.598.163
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	3.605.356	29.344.722
Cộng	6.838.355.340	3.821.942.885

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(647.440.378)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(906.416.539)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(242.506.304)	(242.506.314)
Cộng	(1.148.922.843)	(889.946.692)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

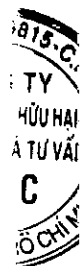
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(889.946.692)	(199.314.974)
Trích lập dự phòng bổ sung	(258.976.151)	(690.631.718)
Số cuối năm	(1.148.922.843)	(889.946.692)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	16.061.374.981	11.644.486.455
Công cụ, dụng cụ	49.102.000	10.644.000
Cộng	16.110.476.981	11.655.130.455

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm xe	7.677.159	7.677.159
Chi phí bảo hiểm tàu	2.258.303.597	1.057.375.985
Công cụ, dụng cụ dùng trên tàu	4.478.393.168	480.528.756



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khác của tàu	12.199.380	138.443.716
Công cụ, dụng cụ dùng tại văn phòng	17.180.689	22.830.562
Chi phí bảo trì đường bộ	31.266.668	-
Cộng	6.805.020.661	1.706.856.178

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.909.321.480	3.305.013.113
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.023.622.490	1.025.622.490
Cộng	2.932.943.970	4.330.635.603

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>TSCĐ khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	24.293.375.692	1.347.221.967.866	1.456.616.849	72.437.727	1.373.044.398.134
Tăng do mua sắm mới trong năm	438.810.000	3.412.897.538	-	-	3.851.707.538
Giảm trong năm	(317.113.703)	(774.228.513)	(674.938.392)	(36.437.727)	(1.802.718.335)
<i>Kết chuyển TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013</i>	(5.882.794)	(392.573.656)	(674.938.392)	(36.437.727)	(1.109.832.569)
<i>Giảm khác trong năm</i>	(311.230.909)	(381.654.857)	-	-	(692.885.766)
Số cuối năm	24.415.071.989	1.349.860.636.891	781.678.457	36.000.000	1.375.093.387.337
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	131.447.320	10.195.149.384	348.729.802	-	10.675.326.506
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.218.535.755	356.885.787.394	1.082.240.835	31.786.000	364.218.349.984
Khấu hao trong năm	1.700.243.620	87.142.158.076	82.635.240	8.576.727	88.933.613.663
Giảm trong năm	(25.832.794)	(592.391.236)	(629.370.242)	(22.062.727)	(1.269.656.999)
<i>Kết chuyển TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013</i>	(5.882.794)	(210.736.379)	(629.370.242)	(22.062.727)	(868.052.142)
<i>Giảm khác trong năm</i>	(19.950.000)	(381.654.857)	-	-	(401.604.857)
Số cuối năm	7.892.946.581	443.435.554.234	535.505.833	18.300.000	451.882.306.648
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	18.074.839.937	990.336.180.472	374.376.014	40.651.727	1.008.826.048.150
Số cuối năm	16.522.125.408	906.425.082.657	246.172.624	17.700.000	923.211.080.689
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.234.619.038.566 VND và 883.772.383.450 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số V.16 và V.23).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.676.123.304	55.000.000	17.731.123.304
Số cuối năm	17.676.123.304	55.000.000	17.731.123.304
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.355.975.328	15.000.000	5.370.975.328
Khấu hao trong năm	255.960.000	8.040.000	264.000.000
Số cuối năm	5.611.935.328	23.040.000	5.634.975.328
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.320.147.976	40.000.000	12.360.147.976
Số cuối năm	12.064.187.976	31.960.000	12.096.147.976
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là giá trị phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương chưa nghiệm thu hoàn thành.

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu		22.178.410.000		22.178.410.000
<i>Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội</i>	232.875	4.030.000.000	232.875	4.030.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam</i>	162.781	11.278.410.000	162.781	11.278.410.000
<i>Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam</i>	300.000	5.870.000.000	300.000	5.870.000.000
<i>Công ty Cổ phần Vinalines Logistics</i>	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Quỹ đầu tư quốc gia		70.000.000		70.000.000
Cộng		22.248.410.000		22.248.410.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(15.408.716.800)	(15.864.171.700)
Hoàn nhập dự phòng	874.337.600	455.454.900
Số cuối năm	(14.534.379.200)	(15.408.716.800)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.850.770.111	7.590.727.409	(4.858.321.169)	(4.945.454)	8.578.230.897
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	20.951.675.346	14.629.097.328	(17.394.360.034)	-	18.186.412.640
Phí bảo hiểm vật chất xe	2.934.545	-	(2.934.545)	-	-
Cộng	26.805.380.002	22.219.824.737	(22.255.615.748)	(4.945.454)	26.764.643.537

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế của Công ty mẹ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lỗ tính thuế năm 2012	36.430.950.879	36.430.950.879
Lỗ tính thuế năm 2013	125.682.561.594	-
Cộng	162.113.512.473	36.430.950.879

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay cá nhân (lãi suất 12%/năm)	2.340.000.000	3.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	116.738.468.000	80.346.900.924
Cộng	119.078.468.000	83.446.900.924

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Số kết chuyển từ vay dài hạn	Kết chuyển sang vay dài hạn ⁽ⁱ⁾	Số tiền vay đã trả trong năm	Tăng khác-Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay cá nhân	3.100.000.000	-	-	(760.000.000)	-	2.340.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	80.346.900.924	62.516.952.000	(21.295.913.216)	(4.843.008.516)	13.536.808	116.738.468.000
Cộng	83.446.900.924	62.516.952.000	(21.295.913.216)	(5.603.008.516)	13.536.808	119.078.468.000

⁽ⁱ⁾ Khoản kết chuyển sang vay dài hạn do thay đổi cơ cấu nợ vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	93.755.185.100	104.511.797.911
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	1.449.190.848	1.553.836.768
Cộng	95.204.375.948	106.065.634.679

18. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước tại Công ty mẹ.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	93.865.269	2.478.001.642	(2.314.009.302)	257.857.609
<i>Công ty mẹ</i>	93.865.269	1.203.007.127	(1.183.186.640)	113.685.756
<i>Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics</i>	-	1.274.994.515	(1.130.822.662)	144.171.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(382.268.400)	1.864.519.144	(1.013.989.153)	468.261.591
<i>Công ty mẹ</i>	(2.236.720)	-	-	(2.236.720)
<i>Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics</i>	(380.031.680)	1.864.519.144	(1.013.989.153)	470.498.311
Thuế thu nhập cá nhân	3.211.030.465	3.431.349.816	(5.076.417.536)	1.565.962.745
<i>Văn phòng Công ty mẹ</i>	3.100.679.844	3.286.327.966	(4.773.489.383)	1.613.518.427
<i>Chi nhánh Hải Phòng Công ty mẹ</i>	5.575.162	5.115.824	(37.810.690)	(27.119.704)
<i>Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics</i>	104.775.459	139.906.026	(265.117.463)	(20.435.978)
Thuế nhà đất - Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	-	100.800.000	(100.800.000)	-
Tiền thuê đất - Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	-	25.788.800	(25.788.800)	-
Các loại thuế khác	793.214.189	7.000.000	(7.000.000)	793.214.189
<i>Công ty mẹ</i>	793.214.189	4.000.000	(4.000.000)	793.214.189
<i>Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics</i>	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(6.835.336)	132.937.769	(132.937.769)	(6.835.336)
<i>Công ty mẹ</i>	(6.835.336)	-	-	(6.835.336)
<i>Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics</i>	-	132.937.769	(132.937.769)	-
Cộng	3.709.006.187	8.040.397.171	(8.670.942.560)	3.078.460.798

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cung cấp dầu mua và bán tại nước ngoài cho tổ chức nước ngoài	Không phải kê khai
- Dịch vụ vận tải quốc tế, cho thuê tàu vận tải quốc tế	0%
- Dịch vụ xuất khẩu thuyền viên	
+ Tàu nội	10%
+ Tàu ngoại	0%
- Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(117.472.561.924)	(35.447.741.812)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Lỗ trong năm của Công ty mẹ</i>	125.682.561.594	36.430.950.879
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	651.675.156	25.969.081
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<u>(3.273.059.274)</u>	<u>(138.053)</u>
Thu nhập chịu thuế	5.588.615.552	1.009.040.095
Thu nhập được miễn thuế	<u>(195.337.200)</u>	<u>(255.337.200)</u>
Thu nhập tính thuế	5.393.278.352	753.702.895
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.348.319.588	188.425.724
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>516.199.556</u>	<u>-</u>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.864.519.144</u>	<u>188.425.724</u>

Tiền thuê đất

Các công ty trong Tập đoàn nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp thuế hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	168.240.955.582	94.539.061.181
Chi phí bảo hiểm	1.891.360.644	798.445.443
Chi phí khác	<u>1.497.027.993</u>	<u>4.834.552.775</u>
Cộng	<u>171.629.344.219</u>	<u>100.172.059.399</u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.509.950.675	2.660.850.011
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	5.190.758.196	2.649.275.999
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.800.040.005	6.533.850.515
Phải trả về cổ phần hóa cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	11.960.946.101	11.960.946.101
Phải trả khác	28.425.150.269	25.359.435.116
Cộng	<u>54.886.845.246</u>	<u>49.164.357.742</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.453.807.589	4.026.275.589
Chi quỹ trong năm	(213.600.000)	(1.572.468.000)
Số cuối năm	<u>2.240.207.589</u>	<u>2.453.807.589</u>

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	643.837.818.816	695.169.613.904
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng⁽ⁱ⁾</i>	389.521.800.000	444.349.800.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh⁽ⁱⁱ⁾</i>	254.316.018.816	250.819.813.904
Vay dài hạn tổ chức khác	-	7.500.000.000
<i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	-	7.500.000.000
Cộng	<u>643.837.818.816</u>	<u>702.669.613.904</u>

(i) Các khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đứng ra vay và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế nhận nợ và giải ngân theo:

- Hợp đồng số 05/2003/HĐTD-TDTW ngày 21 tháng 7 năm 2003 với tổng số tiền vay là 83.300.000.000 VND để đầu tư đóng mới tàu chở hàng Thanh Thủy, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất 3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 01/05/HĐTD-TDTW ngày 14 tháng 4 năm 2005 với tổng số tiền vay 76.416.000.000 VND để phục vụ nhu cầu đầu tư đóng mới tàu Aquamarine, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 144 tháng. Thời hạn trả hết nợ gốc và lãi 132 tháng, bắt đầu từ tháng 3 năm 2006. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 12/2010/HĐTDĐT-NHPT.INLACO ngày 30 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền vay 414.000.000.000 VND để đầu tư đóng mới tàu Inlaco Express, lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn 18 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc theo tháng, mức trả 3.432.000.000 VND/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo:
- Hợp đồng tín dụng 01/09/ILCSG-HCM ngày 06 tháng 01 năm 2009 với tổng số tiền vay 10.667.500,00 USD để mua tàu J.Marion Sun (Tàu Bright) chở hàng rời đã qua sử dụng trọng tải 23.527DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường USD năm hạn 12 tháng trả lãi cuối năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam cộng 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Thanh Sơn chở hàng bách hóa, số hiệu 3WFO-8915184.
 - Hợp đồng tín dụng 02/09/ILCSG-HCM ngày 26 tháng 3 năm 2009 với tổng số tiền vay 10.497.500,00 USD để mua tàu Spring Accord chở hàng rời trọng tải 23.986DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường USD năm hạn 12 tháng trả lãi cuối năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam cộng 4%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và một phần tàu Thanh Sơn chở hàng bách hóa, số hiệu 3WFO-8915184.
- (iii) Khoản vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐVV/VINALINES-INLACO SG tháng 3 năm 2012 với tổng số tiền vay 15.000.000.000 VND để thực hiện dự án đầu tư mua và đóng mới tàu chở hàng rời 34.000 DWT mang tên Inlaco Express, thời hạn vay tối đa 36 tháng, thời hạn ân hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất thỏa thuận nhưng không thấp hơn lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm giải ngân.

Thời hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	745.576.286.816	101.738.468.000	383.146.399.664	260.691.419.152
Vay dài hạn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Cộng	760.576.286.816	116.738.468.000	383.146.399.664	260.691.419.152

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Kết chuyển từ vay ngắn hạn sang vay dài hạn ⁽ⁱ⁾	Số kết chuyển sang vay ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	695.169.613.904	21.295.913.216	(55.016.952.000)	3.425.243.696	(21.036.000.000)	643.837.818.816
Vay dài hạn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	7.500.000.000	-	(7.500.000.000)	-	-	-
Cộng	702.669.613.904	21.295.913.216	(62.516.952.000)	3.425.243.696	(21.036.000.000)	643.837.818.816

- (i) Khoản kết chuyển sang vay dài hạn do thay đổi cơ cấu nợ vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	88.000.000.000	91.515.592	3.348.918.531	1.674.459.266	17.021.195.279	110.136.088.668
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(35.636.167.536)	(35.636.167.536)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	(91.515.592)	-	-	-	(91.515.592)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	- 3.348.918.531	1.674.459.266	(18.614.972.257)	74.408.405.540	
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	- 3.348.918.531	1.674.459.266	(18.614.972.257)	74.408.405.540	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(118.820.881.512)	(118.820.881.512)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	- 3.348.918.531	1.674.459.266	(137.435.853.769)	(44.412.475.972)	

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số cuối năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	338.086.299.125	341.365.486.712
<i>Doanh thu dịch vụ cho thuê tàu, vận tải</i>	267.313.541.322	278.304.981.361
<i>Doanh thu dịch vụ đại lý tàu, xuất khẩu thuyền viên và các dịch vụ khác</i>	70.772.757.803	63.060.505.351
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>338.086.299.125</u>	<u>341.365.486.712</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	302.471.933.044	244.226.196.999
Giá vốn dịch vụ đại lý tàu, xuất khẩu thuyền viên, logistics và các dịch vụ khác	59.146.412.629	50.987.532.750
Cộng	<u>361.618.345.673</u>	<u>295.213.729.749</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	282.407.026	320.739.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia	195.337.200	255.337.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.050.221.119	1.521.808.402
Cộng	<u>2.527.965.345</u>	<u>2.097.884.840</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	74.814.930.490	68.564.949.016
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.472.546.399	456.025.553
Dự phòng / (hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn	(874.337.600)	(455.454.900)
Cộng	<u>78.413.139.289</u>	<u>68.565.519.669</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng	6.738.608.670	5.774.214.199
Chi phí khác	41.359.415	441.733.021
Cộng	<u>6.779.968.085</u>	<u>6.215.947.220</u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	8.748.016.628	1.941.693.262
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	297.847.056	296.499.037
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.189.921.038	1.264.533.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.179.849.953	990.632.321
Chi phí khác	3.598.668.236	3.611.389.711
Cộng	<u>15.014.302.911</u>	<u>8.104.748.065</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(118.820.881.512)	(35.636.167.536)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(118.820.881.512)	(35.636.167.536)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(13.502)</u>	<u>(4.050)</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	63.461.790.770	54.912.849.352
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	112.059.324.742	104.633.692.047
Chi phí khấu hao TSCĐ	89.177.663.663	86.265.066.936
Chi phí hoa hồng	6.738.608.670	6.738.608.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.949.572.572	56.983.791.432
Chi phí khác	44.367.103.573	41.496.259.070
Cộng	<u>383.754.063.990</u>	<u>351.030.267.507</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.298.700.089	1.831.825.631
Thù lao	182.679.940	232.454.800
Cộng	<u>2.481.380.029</u>	<u>2.064.280.431</u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế

Trong năm Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế không phát sinh các nghiệp vụ với Công ty mẹ (năm trước phát sinh nghiệp vụ vay với số tiền là 15.000.000.000 VND).

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả vốn Nhà nước	11.960.946.101	11.960.946.101
Vay tiền	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>28.176.619.778</u>	<u>26.960.946.101</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn là dịch vụ cho thuê tàu, vận tải.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên nhiều khu vực, tuy nhiên các rủi ro khi hoạt động ở các địa phương, khu vực đối với hoạt động của Tập đoàn là giống nhau.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty mẹ theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.939.188.973	-	15.939.188.973
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	70.000.000	-	70.000.000
Phải thu khách hàng	14.945.571.874	1.339.951.595	16.285.523.469
Các khoản phải thu khác	7.861.977.830	-	7.861.977.830
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.000.000.000	21.178.410.000	22.178.410.000
Cộng	39.816.738.677	22.518.361.595	62.335.100.272
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.282.338.368	-	18.282.338.368
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	70.000.000	-	70.000.000
Phải thu khách hàng	17.868.276.738	1.339.951.595	19.208.228.333
Các khoản phải thu khác	4.820.253.009	-	4.820.253.009
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.000.000.000	21.178.410.000	22.178.410.000
Cộng	42.040.868.115	22.518.361.595	64.559.229.710

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	171.356.082.965	525.941.855.119	295.000.431.900	992.298.369.983
Phải trả người bán	95.204.375.948	-	-	95.204.375.948
Các khoản phải trả khác	217.815.480.594	50.000.000	-	217.865.480.594
Cộng	484.375.939.507	525.991.855.119	295.000.431.900	1.305.368.226.525
Số đầu năm				
Vay và nợ	141.077.654.380	619.135.923.220	276.974.372.250	1.037.187.949.850
Phải trả người bán	106.065.634.679	-	-	106.065.634.679
Các khoản phải trả khác	144.019.969.085	-	-	144.019.969.085
Cộng	391.163.258.144	619.135.923.220	276.974.372.250	1.287.273.553.614

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn, đồng thời Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn cho thuê tàu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

3600
CƠ
CH NH
TOÁN
A
VH-T

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	JPY	SGD	USD	JPY	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	456.993,21	-	-	761.761,55	-	-
Phải thu khách hàng	349.039,80	-	-	496.131,50	-	-
Vay và nợ	(12.071.472,00)	-	-	(13.279.969,00)	-	-
Phải trả người bán	(89.594,55)	(19.021.448,00)	(22.764,49)	(163.916,55)	-	-
Các khoản phải trả khác	(1.223.520,07)	-	-	(316.295,53)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(12.578.553,61)	(19.021.448,00)	(22.764,49)	(12.502.288,03)	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế sẽ tăng/giảm 5.302.615.060 VND (năm trước là 5.203.952.370 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đánh giá ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái giữa VND và JPY, SGD là không đáng kể do số dư gốc ngoại tệ nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thị trường và cố định phù hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có các khoản vay có lãi suất thị trường là 12.071.472,00 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.279.969,00 USD).

Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm/tăng khoảng 2.544.424.868 VND (năm trước là 2.763.827.148 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.939.188.973	-	18.282.338.368	-	15.939.188.973	18.282.338.368
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	70.000.000	-	70.000.000	-	70.000.000	70.000.000
Phải thu khách hàng	16.285.523.469	(1.148.922.843)	19.208.228.333	(889.946.692)	15.136.600.626	18.318.281.641
Các khoản phải thu khác	7.861.977.830	-	4.820.253.009	-	7.861.977.830	4.820.253.009
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.178.410.000	(14.534.379.200)	22.178.410.000	(15.408.716.800)	7.644.030.800	6.769.693.200
Cộng	62.335.100.272	(15.683.302.043)	64.559.229.710	(16.298.663.492)	46.651.798.229	48.260.566.218

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	762.916.286.816	786.116.514.828	762.916.286.816
Phải trả người bán	95.204.375.948	106.065.634.679	95.204.375.948	106.065.634.679
Các khoản phải trả khác	217.865.480.594	144.019.969.085	217.865.480.594	144.019.969.085
Cộng	1.075.986.143.358	1.036.202.118.592	1.075.986.143.358	1.036.202.118.592

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, vay và nợ dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

915-C
 TY
 HỮU HẠ
 TƯ VẤN
 C
 CHINH

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 118.820.881.512 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 137.435.853.769 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 370.365.116.908 VND (nợ ngắn hạn là 458.092.127.567 VND và tài sản ngắn hạn là 87.727.010.659 VND). Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, theo Công văn số 363/NHNN-TD.m ngày 06 tháng 6 năm 2013 về việc đề nghị cơ cấu lại nợ đối với các khoản vay đóng mới tàu biển của Ngân hàng Nhà nước gửi cho Công ty mẹ thì Bộ Tài chính sẽ quyết định khoan nợ cho chủ đầu tư và nhà xuất khẩu trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Hiện Công ty mẹ đang đàm phán với Ngân hàng Phát triển Việt Nam để xúc tiến tiến trình khoan nợ nêu trên. Do vậy Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

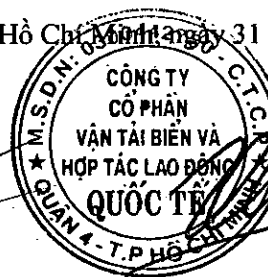
TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Oanh
Kế toán trưởng



Trần Việt Điền
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	267.313.541.322	67.841.477.851	2.931.279.952	338.086.299.125
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	267.313.541.322	67.841.477.851	2.931.279.952	338.086.299.125
Chi phí bộ phận	(320.698.794.444)	(63.055.269.546)	341.447.321	(383.412.616.669)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(53.385.253.122)	4.786.208.305	3.272.727.273	(45.326.317.544)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				2.527.965.345
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(78.413.139.289)
Doanh thu hoạt động tài chính				4.991.567.230
Chi phí tài chính				(1.252.637.666)
Thu nhập khác				(1.348.319.588)
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(118.820.881.512)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				26.071.532.275
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	20.106.902.000	5.964.630.275	-	26.071.532.275
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	105.237.033.950	6.196.245.461	-	111.433.279.411
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	278.304.981.361	63.060.505.351	-	341.365.486.712
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	3.272.727.273	(3.272.727.273)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	278.304.981.361	66.333.232.624	(3.272.727.273)	341.365.486.712
Chi phí bộ phận	(255.363.695.175)	(57.443.457.132)	3.272.727.273	(309.534.425.034)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.941.286.186	8.889.775.492	-	31.831.061.678
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				31.831.061.678
Doanh thu hoạt động tài chính				2.097.884.840
Chi phí tài chính				(68.565.519.669)
Thu nhập khác				1.245.600.757
Chi phí khác				(2.056.769.418)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(188.425.724)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(35.636.167.536)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	78.193.505.609	4.661.175.111	-	82.854.680.720
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	59.255.770.752	4.634.976.085	-	63.890.746.837
Tổng giá trị các khoản chi phí lưu không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

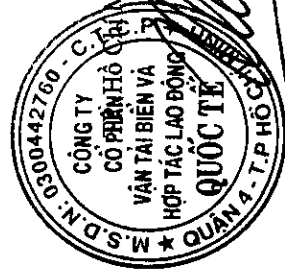
		Đơn vị tính: VND		
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				
	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm	951.585.223.255	62.870.917.651	(1.215.673.677)	1.013.240.467.229
Tài sản trực tiếp của bộ phận				44.327.003.182
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>1.057.567.470.411</u>
<i>Tổng tài sản</i>				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.049.256.322.971	14.625.342.398	(1.215.673.677)	1.062.665.991.692
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				39.313.954.691
<i>Tổng nợ phải trả</i>				<u>1.101.979.946.383</u>
Số đầu năm	1.025.281.581.266	38.508.673.563	-	1.063.790.254.829
Tài sản trực tiếp của bộ phận				67.443.937.337
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>1.131.234.192.166</u>
<i>Tổng tài sản</i>				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	985.410.444.477	6.589.704.415	-	992.000.148.892
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				64.825.637.734
<i>Tổng nợ phải trả</i>				<u>1.056.825.786.626</u>

Nguyễn Thị Kim Oanh

Nguyễn Thị Kim Oanh
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Oanh

Nguyễn Thị Thu Oanh
 Kế toán trưởng



Trần Viết Điền, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Trần Viết Điền

Trần Viết Điền
 Tổng Giám đốc

